

Số: 3103/2026/CV-PGN

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Phụ Gia Nhựa

- Mã chứng khoán: PGN

- Địa chỉ: Thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Điện thoại liên hệ: 02113 717108

- Email: trandangcong2082@gmail.com Website: <https://pgn.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thộc diện phải giải trình nguyên nhân

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/ được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển lỗ sang hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024)

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước ?

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại ?

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2026 tại đường dẫn: <https://pgn.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**ĐẠI DIỆN TÒ CHỨC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/ NGƯỜI UQCBT**

Tài liệu đính kèm:
-BCTC năm 2025
- Văn bản giải trình



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đăng Công

Số: 3103.1/2026/CV- PGN
V/v: Giải trình lợi nhuận năm
2025 tăng so với cùng kỳ năm
trước

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm năm 2025. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 tăng hơn 10% so với năm 2024. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng /Giảm	% tăng giảm
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.886.273.838	755.383.954	1.130.889.884	149,71%

Lợi nhuận sau thuế 2025 tăng 1.130.889.884 đồng, tăng 149,71% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận năm 2025 tăng là do doanh thu tài chính tăng 384,4% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng /Giảm	% tăng giảm
Doanh thu tài chính	2.467.704.018	509.439.892	1.958.264.126	384,4%

Trên đây là giải trình lý do lợi nhuận năm 2025 tăng so với cùng kỳ năm trước của công ty Cổ Phần Phụ Gia Nhựa.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT
- Lưu VT

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đăng Công

Số: 3103.2/2026/CV- PGN
V/v: Giải trình ý kiến ngoại trừ
của kiểm toán trong BCTC năm
2025

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 03 năm 2026

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa xin được giải trình ý kiến ngoại trừ trong báo cáo chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Uhy như sau:

1. Ý kiến ngoại trừ trong báo cáo chính năm 2025 của Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa:
Cơ sở của ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trích dẫn:

“Trong năm, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng toàn bộ 7.937.431 cổ phần theo mệnh giá tại Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa Vĩnh Phúc với giá trị chuyển nhượng là 79.374.310.000 đồng (chiếm tỷ lệ 98,76% vốn điều lệ) và tiến hành mua lại 3.938.300 cổ phần theo mệnh giá (chiếm tỷ lệ 49% vốn điều lệ) vào chính Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa Vĩnh Phúc với giá trị là 39.383.000.000 đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến việc bán và mua lại chính cổ phần tại Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa Vĩnh Phúc, phần lớn các giao dịch chuyển nhượng và mua lại là với các bên liên quan. Tại ngày 31/12/2025, các khoản mục liên quan đến giao dịch bán và mua lại trên Báo cáo tài chính của Công ty gồm: khoản mục phải thu khách hàng ngắn hạn là 11.263.568.000 đồng (đã thu hồi được toàn bộ ở thời điểm lập báo cáo), Đầu tư vào Công ty liên kết liên doanh là 39.383.000.000 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ý kiến về các giao dịch này cũng như ảnh hưởng của giao dịch này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty”

Ý kiến của Kiểm toán về số liệu BCTC năm 2025 của công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa:

“Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Giải trình của Công ty Cổ Phần Phụ Gia Nhựa

- Thực hiện theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 06/1/2025 và Nghị quyết HĐQT số 2201/PGN/NQ-HĐQT ngày 22/01/2025, Nghị quyết số 1702/PGN/NQ-HĐQT ngày 17/02/2025 Công ty thoái toàn bộ phần vốn 7.937.431 cổ phần theo mệnh giá tại Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc với giá trị chuyển nhượng là 79.374.310.000 đồng (chiếm tỷ lệ 98,76% vốn điều lệ) để tập trung nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực mới.

- Tuy nhiên việc thoái vốn chậm so với kế hoạch của Công ty, dẫn đến việc chuẩn bị nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực mới không đảm bảo. Bên cạnh đó Hội đồng quản trị đánh giá việc giữ lại cổ phần tại Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc cũng sẽ tạo ra được nguồn lợi nhuận ổn định và có tiềm năng tăng trưởng, phù hợp với mô hình phát triển mới của Công ty. Do đó HĐQT đã quyết định mua lại 49% cổ phần Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc của các cổ đông đang nắm giữ. Việc thanh toán tiền các hợp đồng chuyển nhượng đã hoàn tất.

- Trên đây là văn bản giải trình của Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong báo cáo tài chính năm 2025.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT
- Lưu VT

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đăng Công



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch	
Ông Trần Đặng Công	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Đặng Phi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2025
Ông Chu Văn Phương	Thành viên	
Ông Trần Tuấn Nghĩa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2025
Ông Đồng Văn Nhất	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2025
Ông Đỗ Huy Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2025

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Đặng Công	Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Hải Hà	Giám đốc sản xuất

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Duyên	Trưởng Ban Kiểm soát	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2025
Ông Trần Đức Nhật	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2025

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Việt Oanh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 23/06/2025
Bà Nguyễn Thị Nga	Quyền Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 23/06/2025

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đặng Công
Tổng Giám đốc
Phú Thọ, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Số: 625/2026/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 30/03/2026 trình bày từ trang 06 đến trang 35 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng toàn bộ 7.937.431 cổ phần theo mệnh giá tại Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa Vĩnh Phúc với giá trị chuyển nhượng là 79.374.310.000 đồng (chiếm tỷ lệ 98,76% vốn điều lệ) và tiến hành mua lại 3.938.300 cổ phần theo mệnh giá (chiếm tỷ lệ 49% vốn điều lệ) vào chính Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa Vĩnh Phúc với giá trị là 39.383.000.000 đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến việc bán và mua lại chính cổ phần tại Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa Vĩnh Phúc, phần lớn các giao dịch chuyển nhượng và mua lại là với các bên liên quan. Tại ngày 31/12/2025, các khoản mục liên quan đến giao dịch bán và mua lại trên Báo cáo tài chính của Công ty gồm: khoản mục phải thu khách hàng ngắn hạn là 11.263.568.000 đồng (đã thu hồi được toàn bộ ở thời điểm lập báo cáo), Đầu tư vào Công ty liên kết liên doanh là 39.383.000.000 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ý kiến về các giao dịch này cũng như ảnh hưởng của giao dịch này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:
0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Hoàng Thị Nga
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:
4079-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		112.387.653.100	164.583.126.116
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	733.624.911	2.916.357.009
Tiền	111		733.528.833	2.915.771.431
Các khoản tương đương tiền	112		96.078	585.578
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	12.179.992.433	15.401.124.200
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		12.179.992.433	15.401.124.200
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.987.434.871	67.862.984.534
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	19.794.847.415	67.445.628.088
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12	12.564.311.400	304.999.200
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	55.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	136	9	628.276.056	112.357.246
Hàng tồn kho	140	10	11.203.519.159	78.225.741.689
Hàng tồn kho	141		11.203.519.159	78.225.741.689
Tài sản ngắn hạn khác	150		283.081.726	176.918.684
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	155.938.522	161.430.496
Thuế GTGT được khấu trừ	152		125.747.469	13.718.190
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.395.735	1.769.998
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.564.613.817	27.655.436.136
Các khoản phải thu dài hạn	210		235.191.293	401.201.417
Phải thu dài hạn khác	216	9	235.191.293	401.201.417
Tài sản cố định	220		19.004.609.597	24.610.491.591
Tài sản cố định hữu hình	221	14	17.754.586.347	22.064.344.663
- Nguyên giá	222		31.409.684.296	46.821.896.171
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.655.097.949)	(24.757.551.508)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	1.250.023.250	2.546.146.928
- Nguyên giá	225		2.812.909.091	4.552.909.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.562.885.841)	(2.006.762.163)
Tài sản dở dang dài hạn	240		745.948.500	745.948.500
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		745.948.500	745.948.500
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	39.383.000.000	600.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		39.383.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	600.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.195.864.427	1.297.794.628
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	1.195.864.427	1.297.794.628
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		172.952.266.917	192.238.562.252

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		63.279.049.132	84.451.618.305
Nợ ngắn hạn	310		63.224.912.332	84.016.298.997
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	12.038.530.671	19.546.583.037
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		110.745.591	110.745.591
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	735.993.057	1.232.912.398
Phải trả người lao động	314		193.802.372	281.662.458
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		137.301.116	932.955.389
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	1.600.000
Phải trả ngắn hạn khác	319		-	46.240.740
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	49.364.563.638	61.219.623.497
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		643.975.887	643.975.887
Nợ dài hạn	330		54.136.800	435.319.308
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	93.313
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	54.136.800	435.225.995
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.673.217.785	107.786.943.947
Vốn chủ sở hữu	410	18	109.673.217.785	107.786.943.947
Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.648.590.000	94.648.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.648.590.000	94.648.590.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(134.050.000)	(134.050.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.787.063.739	6.787.063.739
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.371.614.046	6.485.340.208
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.485.340.208	5.729.956.254
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.886.273.838	755.383.954
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		172.952.266.917	192.238.562.252

Phú Thọ, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Trần Đặng Công

Quyền Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	126.408.647.638	221.001.048.262
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		126.408.647.638	221.001.048.262
Giá vốn hàng bán	11	20	121.885.235.178	208.496.776.977
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.523.412.460	12.504.271.285
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.467.704.018	509.439.892
Chi phí tài chính	22	22	4.076.088.403	5.951.153.867
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.068.288.403	5.947.215.603
Chi phí bán hàng	25	23	39.470.002	700.151.505
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	2.326.570.145	4.058.248.347
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		548.987.928	2.304.157.458
Thu nhập khác	31	24	2.869.667.252	1
Chi phí khác	32	25	883.636.265	444.334.489
Lợi nhuận khác	40		1.986.030.987	(444.334.488)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.535.018.915	1.859.822.970
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	648.745.077	1.104.439.016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.886.273.838	755.383.954
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	199	80

Phú Thọ, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Trần Đặng Công

Quyền Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		2.535.018.915	1.859.822.970
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.679.812.392	4.408.371.105
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(5.316.479.508)	(475.413.153)
Chi phí lãi vay	06		4.068.288.403	5.947.215.603
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi</i>	08		3.966.640.202	11.739.996.525
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(29.633.285.433)	22.087.580.011
Tăng giảm hàng tồn kho	10		67.022.222.530	(11.106.320.796)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.739.150.419)	(9.017.770.660)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		107.422.175	547.062.940
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.720.853.368)	(5.306.823.564)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.108.789.683)	(3.440.773.667)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		27.894.206.004	5.502.950.789
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(370.284.129)	(99.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		3.100.909.091	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(206.855.562.485)	(6.701.124.200)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		155.677.183.752	6.500.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28.727.742.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.879.222.723	533.964.236
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(17.840.789.048)	233.840.036
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		107.277.928.764	137.375.539.200
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(118.911.105.118)	(144.924.600.502)
Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35		(602.972.700)	(952.277.700)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(12.236.149.054)	(8.501.339.002)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.182.732.098)	(2.764.548.177)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.916.357.009	5.680.905.186
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	733.624.911	2.916.357.009

Phú Thọ, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Trần Đặng Công

Quyền Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2500287403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc thay đổi lần 10 ngày 11/03/2024. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 94.648.590.000 đồng, chia thành 9.464.859 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Tổ dân phố Minh Quyết, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trần Đăng Công.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 04 tháng 07 năm 2019 với mã chứng khoán là PGN.

Số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2025 là 10 người (tại ngày 01/01/2025 là 29 người).

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2025 bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Dịch vụ lưu giữ hàng hóa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp hàng tồn kho lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	10

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nếu các đơn vị được đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay: được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

3.12 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.12 THUẾ (TIẾP)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.13 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền, phải thu ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

3.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	437.419.767	2.867.266.105
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	296.109.066	48.505.326
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	96.078	585.578
	<u>733.624.911</u>	<u>2.916.357.009</u>

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	155.938.522	161.430.496
- Chi phí mua bảo hiểm	152.717.967	102.741.316
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	1.958.731
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.220.555	56.730.449
Dài hạn	1.195.864.427	1.297.794.628
- Chi phí đền bù xây dựng	1.060.700.689	1.092.843.133
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.381.921	58.411.564
- Chi phí mua bảo hiểm	10.611.717	94.910
- Các khoản khác	122.170.100	146.445.021
	<u>1.351.802.949</u>	<u>1.459.225.124</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/1/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Ngắn hạn	12.179.992.433	-	15.401.124.200	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	12.179.992.433	-	15.401.124.200	-
	12.179.992.433	-	15.401.124.200	-

(*) Trong đó, tổng số dư tiền gửi được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các Hợp đồng vay với giá trị là 12.179.992.433 đồng, bao gồm:

- Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM với tổng giá trị tại 31/12/2025 là 6.100.000.000 đồng, được dùng làm tài sản đảm bảo theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 27631/24MB/HĐTĐ ngày 10/10/2024 với Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM;
- Số dư tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam với tổng giá trị tại 31/12/2025 là 4.000.000.000 đồng, được dùng làm tài sản đảm bảo theo Hợp đồng tín dụng số SHBHN/HĐTĐ/790500037395 ngày 13/12/2023 với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Phạm Hùng;
- Số dư tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với tổng giá trị tại 31/12/2025 là 2.079.992.433 đồng, được dùng làm tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay hạn mức số 01.300113395/2024-HĐCVHM/NHCT246-PGN ngày 28/06/2024 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Vĩnh Phúc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/1/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	19.794.847.415	-	67.445.628.088	-
<i>Chuyển nhượng cổ phần CTCP Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc (*)</i>	<i>11.263.568.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Ông Chu Văn Phương	10.927.554.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Quốc Bình	336.014.000	-	-	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>8.531.279.415</i>	<i>-</i>	<i>67.445.628.088</i>	<i>-</i>
- Công ty CP Đầu tư thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	-	-	14.500.294.713	-
- Công ty Cổ phần An Tiến Industries	-	-	2.089.670.400	-
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	-	-	84.564.000	-
- Công ty Cổ phần công nghệ Biển Đông	72.816.000	-	2.615.712.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Minh Dương	-	-	1.911.360.000	-
- Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc	7.831.463.415	-	45.367.272.200	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Tân Phú Quý Việt Nam	627.000.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	-	876.754.775	-
	19.794.847.415	-	67.445.628.088	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	19.095.031.415	-	14.584.858.713	-

(Chi tiết xem tại thuyết minh số 29)

(*): Khoản phải thu các cá nhân về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc cho ông Chu Văn Phương và ông Nguyễn Quốc Bình theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 04/2025/HĐCN/PGN và số 05/2025/HĐCN/PGN ngày 25/02/2025. Theo các hợp đồng chuyển nhượng này, số cổ phần chuyển nhượng giữa Công ty và ông Chu Văn Phương là 2.658.216 cổ phần, giá trị chuyển nhượng là 26.582.160.000 đồng; số cổ phần chuyển nhượng giữa Công ty và ông Nguyễn Quốc Bình là 6.97.146 cổ phần, giá trị chuyển nhượng là 6.971.460.000 đồng.

Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty đã thu hồi được toàn bộ các khoản phải thu về chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Ông Trần Văn Thời (*)	12.000.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Văn Quý (*)	12.000.000.000	-	-	-
- Ông Hoàng Văn Chuyên (*)	16.000.000.000	-	-	-
- Ông Lê Văn Hà (*)	15.000.000.000	-	-	-
	55.000.000.000	-	-	-

(*): Là các Khoản cho các cá nhân vay với thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản cho vay này theo hình thức tín chấp, không có tài sản đảm bảo, lãi suất cho vay theo từng hợp đồng với các cá nhân 4%-11%/năm.

Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty đã thu hồi được toàn bộ các khoản phải thu về cho vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND		VND
Ngắn hạn	628.276.056	-	112.357.246	-
- Lãi dự thu	328.276.056	-	112.357.246	-
- Phải thu khác	300.000.000	-	-	-
Dài hạn	235.191.293	-	401.201.417	-
- Ký quỹ, ký cược	184.168.800	-	299.008.800	-
- Phải thu khác	51.022.493	-	102.192.617	-
	863.467.349	-	513.558.663	-

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	3.489.185.801	-	40.657.734.186	-
- Thành phẩm	7.714.333.358	-	37.568.007.503	-
	11.203.519.159	-	78.225.741.689	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	39.383.000.000	-	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc (1)	39.383.000.000	-	(*)	-	-	(*)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	600.000.000	-	-
- Các khoản trái phiếu	-	-	-	600.000.000	-	-
	39.383.000.000	-	-	600.000.000	-	-

(1) Theo Nghị quyết số 2909/2025/PGN/NQ-HĐQT ngày 29/09/2025 của Hội đồng Quản trị thông qua việc mua lại phần vốn góp của các cổ đông với giá chuyển nhượng 10.000 đồng/cổ phần tại Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc, Công ty thực hiện mua 3.938.300 cổ phần, tương ứng với 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để Thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý.

12. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	12.564.311.400	-	304.999.200	-
- Công ty TNHH Hóa Chất Hồng Phát	12.526.506.200	-	-	-
- Công ty TNHH Môi trường và Xây dựng Phúc An	-	-	304.599.200	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	37.805.200	-	400.000	-
	12.564.311.400	-	304.999.200	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan	12.526.506.200	-	-	-

(Xem chi tiết tại thuyết minh số 29)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	4.552.909.091	4.552.909.091
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.740.000.000)	(1.740.000.000)
31/12/2025	<u>2.812.909.091</u>	<u>2.812.909.091</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
01/01/2025	2.006.762.163	2.006.762.163
- Khấu hao trong năm	481.291.290	481.291.290
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(925.167.612)	(925.167.612)
31/12/2025	<u>1.562.885.841</u>	<u>1.562.885.841</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	<u>2.546.146.928</u>	<u>2.546.146.928</u>
31/12/2025	<u>1.250.023.250</u>	<u>1.250.023.250</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2025	20.320.214.327	22.461.010.935	4.040.670.909	46.821.896.171
- Mua trong năm		285.624.000		285.624.000
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	1.740.000.000	-	1.740.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(10.221.323.148)	(727.752.727)	(10.949.075.875)
- Tài sản mang đi góp vốn	-	(6.488.760.000)	-	(6.488.760.000)
31/12/2025	20.320.214.327	7.776.551.787	3.312.918.182	31.409.684.296
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2025	5.832.053.075	17.546.856.738	1.378.641.695	24.757.551.508
- Khấu hao trong năm	838.763.808	1.005.217.814	354.539.480	2.198.521.102
- Khấu hao chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	925.167.612	-	925.167.612
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.751.005.742)	(543.645.623)	(10.294.651.365)
- Tài sản mang đi góp vốn	-	(3.931.490.908)	-	(3.931.490.908)
31/12/2025	6.670.816.883	5.794.745.514	1.189.535.552	13.655.097.949
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2025	14.488.161.252	4.914.154.197	2.662.029.214	22.064.344.663
31/12/2025	13.649.397.444	1.981.806.273	2.123.382.630	17.754.586.347

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 3.017.049.779 đồng (Tại ngày 01/01/2025 là 8.200.644.831 đồng).

11/2/2025 11/2/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Tổ dân phố Minh Quyết, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Ngắn hạn	12.038.530.671	12.038.530.671	19.546.583.037	19.546.583.037
- Công ty TNHH Hóa Chất Hồng Phát	-	-	1.016.766.046	1.016.766.046
- Công ty TNHH CEN Việt Nam	822.940.000	822.940.000	1.172.940.000	1.172.940.000
- Công ty TNHH Xây dựng Phú Thịnh	-	-	149.552.068	149.552.068
- Trung Tâm Triển Khai Công Nghệ	-	-	209.200.000	209.200.000
- Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Công Nghiệp Sun Beam Việt Nam	-	-	639.500.000	639.500.000
- Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	9.238.521.980	9.238.521.980	13.238.521.980	13.238.521.980
- Công ty TNHH CEN TECH	-	-	1.172.940.000	1.172.940.000
- Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Trung Sơn	1.093.640.000	1.093.640.000	925.010.000	925.010.000
- Các đối tượng khác	883.428.691	883.428.691	1.022.152.943	1.022.152.943
	12.038.530.671	12.038.530.671	19.546.583.037	19.546.583.037
Phải trả người bán là các bên liên quan	9.238.521.980	9.238.521.980	14.255.288.026	14.255.288.026
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 29)</i>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	11.738.729.435	11.738.729.435	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.104.439.016	653.095.743	1.108.789.683	648.745.076
- Thuế thu nhập cá nhân	-	48.405.282	43.377.562	5.027.720
- Tiền thuê đất	128.473.382	352.548.261	398.801.382	82.220.261
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	1.232.912.398	12.795.778.721	13.292.698.062	735.993.057
Phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	374.263	374.263	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.395.735	-	-	1.395.735
	1.769.998	374.263	-	1.395.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	49.364.563.638	49.364.563.638	107.659.017.959	119.514.077.818	61.219.623.497	61.219.623.497
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>48.983.474.443</i>	<i>48.983.474.443</i>	<i>107.277.928.764</i>	<i>118.472.105.118</i>	<i>60.177.650.797</i>	<i>60.177.650.797</i>
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	-	18.980.403.711	43.165.374.583	24.184.970.872	24.184.970.872
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	31.741.270.461	31.741.270.461	37.532.270.461	14.925.120.000	9.134.120.000	9.134.120.000
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	1.897.000.000	1.897.000.000	15.226.290.000	24.778.662.400	11.449.372.400	11.449.372.400
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng Quân đội MBank - Chi nhánh Mỹ Đình	-	-	-	844.202.525	844.202.525	844.202.525
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng Shinhan (3)	6.000.000.000	6.000.000.000	14.599.292.750	17.198.777.750	8.599.485.000	8.599.485.000
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP phát triển TP HCM – Chi nhánh Hà Nội (4)	9.345.203.982	9.345.203.982	18.737.671.842	15.357.967.860	5.965.500.000	5.965.500.000
- Ông Trần Đặng Công	-	-	2.202.000.000	2.202.000.000	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>	<i>381.089.195</i>	<i>381.089.195</i>	<i>381.089.195</i>	<i>1.041.972.700</i>	<i>1.041.972.700</i>	<i>1.041.972.700</i>
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	-	-	439.000.000	439.000.000	439.000.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (5)	381.089.195	381.089.195	381.089.195	602.972.700	602.972.700	602.972.700
Vay và nợ dài hạn	54.136.800	54.136.800	-	381.089.195	435.225.995	435.225.995
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (5)	54.136.800	54.136.800	-	381.089.195	435.225.995	435.225.995
	49.418.700.438	49.418.700.438	107.659.017.959	119.895.167.013	61.654.849.492	61.654.849.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 471/2024/HDTD/TTKD HO và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 95/2026/HDTD/TTKD HO giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng lần lượt là 35 tỷ đồng và 25 tỷ đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động thương mại hạt nhựa, hóa chất công nghiệp, chất phụ gia. Tài sản đảm bảo gồm:
 - 2 xe ô tô Toyota Innova 2.0G và GLC 300 4 Matic thuộc sở hữu của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 2.123.382.630 đồng
 - Nhà xưởng, văn phòng, công trình xây dựng gắn liền với đất tại phường Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc theo GCN QSDĐ số DD 549025 thuộc sở hữu của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 13.649.397.444 đồng.
- (2) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-28602-01 được ký giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng. Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất, buôn bán hóa chất, phụ gia nhựa, thanh toán chi phí lương cho nhân viên công ty. Biện pháp đảm bảo bao gồm ký quỹ và thế chấp bằng các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng với tổng giá trị 2.079.992.433 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty đã tắt toán toàn bộ gốc lãi đối của hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
- (3) Theo Hợp đồng tín dụng số SHBHN/HDTD/790500037395 và Hợp đồng gia hạn và sửa đổi số SHBHNC/HĐTĐ/790500037395/01 giữa Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 8,6 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, thời hạn cho vay đối với mỗi khoản vay: không quá 6 tháng (được quy định cụ thể tại từng Đơn rút vốn vay kèm Khế ước nhận nợ), lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tài sản đảm bảo là Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa hoặc Ban giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa mở tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam với giá trị 4 tỷ đồng.
- (4) Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 27361/24MB/HDTD ngày 10/10/2024 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1661/26MB/HĐTĐ ngày 30/01/2026 giữa Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa và Ngân hàng TMCP phát triển TP HCM – Chi nhánh Hà Nội với hạn mức tín dụng 15 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng. Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng là bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phụ gia nhựa. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là số dư tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM – chi nhánh Hùng Vương – PGD Từ Liêm với tổng giá trị 6,1 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(5) Là khoản nợ thuê tài chính giữa công ty CP Phụ Gia Nhựa và Công ty cho thuê tài chính MTV Quốc tế Chailease – CN Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số C220530112 ngày 26/05/2022, với giá trị tiền thuê gốc là 321.930.000 đồng, thời hạn cho thuê là 48 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C220543512 ngày 15/08/2022, với giá trị tiền thuê gốc là 944.328.000 đồng, thời hạn cho thuê là 48 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C221028512 ngày 18/10/2022, với giá trị tiền thuê gốc là 974.462.400 đồng, thời hạn cho thuê là 54 tháng.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Thặng dư Vốn cổ phần	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	84.509.400.000	6.316.984.134	16.339.225.859	(134.050.000)	107.031.559.993
- Lãi trong năm	-	-	755.383.954	-	755.383.954
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	10.139.190.000	-	(10.139.190.000)	-	-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	470.079.605	(470.079.605)	-	-
31/12/2024	94.648.590.000	6.787.063.739	6.485.340.208	(134.050.000)	107.786.943.947
01/01/2025	94.648.590.000	6.787.063.739	6.485.340.208	(134.050.000)	107.786.943.947
- Lãi trong năm	-	-	1.886.273.838	-	1.886.273.838
31/12/2025	94.648.590.000	6.787.063.739	8.371.614.046	(134.050.000)	109.673.217.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	94.648.590.000	84.509.400.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	10.139.190.000
+ Vốn góp cuối năm	94.648.590.000	94.648.590.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		10.139.190.000

18.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2025 CP	01/01/2025 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.464.859	9.464.859
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.464.859	9.464.859
+ Cổ phiếu phổ thông	9.464.859	9.464.859
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.464.859	9.464.859
+ Cổ phiếu phổ thông	9.464.859	9.464.859
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Doanh thu bán hàng hóa	124.982.447.638	218.349.168.262
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.426.200.000	2.651.880.000
	126.408.647.638	221.001.048.262
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh số 29)	43.812.748.825	118.581.591.662

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	121.547.188.988	207.713.665.964
- Giá vốn hàng hóa dịch vụ	338.046.190	783.111.013
	121.885.235.178	208.496.776.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.467.704.018	475.413.153
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	34.026.739
	2.467.704.018	509.439.892

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	4.068.288.403	5.947.215.603
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	3.938.264
- Lỗ bán các loại chứng khoán	7.800.000	-
	4.076.088.403	5.951.153.867

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	2.326.570.145	4.058.248.347
- Chi phí nhân viên quản lý	500.437.045	1.144.690.720
- Chi phí đồ dùng văn phòng	6.502.236	27.057.679
- Thuế phí, lệ phí	74.731.768	107.725.246
- Chi phí khấu hao TSCĐ	436.606.440	437.493.379
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	930.736.553	889.937.720
- Chi phí quản lý khác	377.556.103	1.451.343.603
Các khoản chi phí bán hàng	39.470.002	700.151.505
- Chi phí nhân viên bán hàng	-	181.842.205
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.916.667	500.693.154
- Chi phí khấu hao TSCĐ	31.139.335	3.888.892
- Chi phí bằng tiền khác	2.414.000	13.727.254
	2.366.040.147	4.758.399.852

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thanh lý tài sản cố định	2.856.575.490	-
- Các khoản khác	13.091.762	1
	2.869.667.252	1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Các khoản phạt	249.788.289	433.968.462
- Các khoản chi phí khác	633.847.976	10.366.027
	883.636.265	444.334.489

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.535.018.915	1.859.822.970
Các khoản chi phí không được khấu trừ	708.706.471	3.662.372.113
- Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ sản xuất kinh doanh	95.436.675	1.224.787.938
- Chi phí lãi vay không hợp lý hợp lệ	336.806.289	1.224.787.938
- Chi phí phạt, chậm nộp thuế	249.788.289	433.968.462
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác khác	26.675.218	778.827.775
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	3.243.725.386	5.522.195.083
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN	648.745.077	1.104.439.016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	648.745.077	1.104.439.016

27. LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.886.273.838	755.383.954
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.886.273.838	755.383.954
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm (CP)	9.464.859	9.464.859
Tổng số cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh (CP)	9.464.859	9.464.859
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	199	80

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	123.128.654.334	219.495.242.500
- Chi phí nhân công	1.530.482.975	4.720.522.786
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.679.812.392	4.408.371.105
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.011.384.988	1.499.401.604
- Chi phí bằng tiền khác	723.404.445	1.583.335.250
	129.073.739.134	231.706.873.245

29. THÔNG TIN KHÁC

29.1. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	107.277.928.764	137.375.539.200
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	118.911.105.118	144.924.600.502

29.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Giám đốc kinh doanh của Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát
2	Công ty CP Hóa chất Thăng Long	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Hóa chất Thăng Long
3	Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Thành viên HĐQT của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát; Thành viên HĐQT của Công ty CP Phụ gia nhựa là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát
4	Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa là Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Nhựa thiếu niên Tiền Phong.
5	Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
6	Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
7	Ông Trần Đặng Phi	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 14/06/2025)
8	Ông Chu Văn Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị
9	Ông Trần Đặng Công	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
10	Ông Trần Tuấn Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 14/06/2025)
11	Ông Nguyễn Trọng Cường	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc
12	Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ban Giám đốc điều hành		438.850.416	629.501.024
- Ông Trần Đặng Công	Tổng Giám đốc	228.857.546	229.434.289
- Ông Nguyễn Trọng Cường	Phó Tổng Giám Đốc	-	183.207.756
- Bà Dương Thị Hải Hà	Giám đốc sản xuất	209.992.870	216.858.979

Theo Nghị quyết số 1406/2025/PGN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/06/2025 về việc thông qua tờ trình số 07/2025/TTr-HĐQT-PGN ngày 14/06/2025 về việc năm 2025, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không hưởng thù lao/phụ cấp.

Giao dịch với các bên liên quan

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu với các bên liên quan		43.812.748.825	118.581.591.662
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát		8.959.847.500	65.823.490.136
- Công ty Cổ phần Hoá chất Thăng Long		297.700.000	1.683.700.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát		1.310.975.000	51.074.401.526
- Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc		33.244.226.325	-
Mua hàng từ các bên liên quan		57.810.489.500	131.569.485.500
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát		43.266.289.500	56.143.995.500
- Công ty Cổ phần Hóa chất Thăng Long		-	89.390.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát		14.544.200.000	74.885.600.000
- Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong		-	450.500.000
Chuyển nhượng cổ phần với bên liên quan		74.874.310.000	-
- Ông Trần Đặng Công		32.425.820.000	-
- Ông Chu Văn Phương		26.582.160.000	-
- Bà Ngô Thị Hoài Thanh		4.000.000.000	-
- Ông Trần Đặng Phi		3.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Trọng Cường		793.740.000	-
- Ông Nguyễn Quốc Bình		6.971.460.000	-
- Ông Trần Tuấn Nghĩa		1.101.130.000	-
Mua lại cổ phần với bên liên quan		34.883.000.000	-
- Ông Trần Đặng Công		17.948.310.000	-
- Ông Nguyễn Quốc Bình		3.938.300.000	-
- Ông Chu Văn Phương		12.996.390.000	-
Vay bên liên quan		2.202.000.000	9.402.000.000
- Ông Trần Đặng Công		2.202.000.000	7.802.000.000
- Ông Chu Văn Phương		-	1.600.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Trả gốc vay bên liên quan	2.202.000.000	12.402.000.000
- Ông Trần Đặng Công	2.202.000.000	7.802.000.000
- Ông Chu Văn Phương	-	4.600.000.000
Lãi vay đã trả bên liên quan	547.010.863	65.201.222
- Ông Trần Đặng Công	317.965.589	26.785.778
- Ông Chu Văn Phương	229.045.274	38.415.444
Số dư với bên liên quan	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng	19.095.031.415	14.584.858.713
- Ông Chu Văn Phương	10.927.554.000	-
- Ông Nguyễn Quốc Bình	336.014.000	-
- Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc	7.831.463.415	-
- Công ty Cổ phần Hoá chất Thăng Long	-	84.564.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	-	14.500.294.713
Trả trước người bán	12.526.506.200	-
- Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát	12.526.506.200	-
Phải trả người bán	9.238.521.980	14.255.288.026
- Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát	-	1.016.766.046
- Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	9.238.521.980	13.238.521.980

30. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Phú Thọ, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Trần Đặng Công

Quyền Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga